

Bản án số: 321/2025/DS-PT

Ngày: 18/8/2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán:

Bà Tiêu Hồng Phụng

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 296/2025/QĐXXPT-DS ngày 04/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1973 (có mặt)

Số CCCD: 096073000174, ngày cấp 01/4/2021, nơi cấp: Cục CSQH về TTXH Bộ C

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau)

- *Bị đơn, gồm:*

1. Ông Trương Thanh D, sinh năm 1979 (có mặt)

Số CCCD: 096079015930, cấp ngày 14/8/2021, nơi cấp: Cục C1 về TTXH Bộ Công an

2. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1984 (vợ ông D)

Số CCCD: 096184012645, cấp ngày 01/02/2024, nơi cấp: Cục C1 về TTXH Bộ C

Cùng địa chỉ: Đường T, khóm D, phường H, thành phố C (nay là đường T, khóm D, phường L, tỉnh Cà Mau)

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Trương Thanh D

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lưu Kiều K, sinh năm 1979 (vợ ông N, có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau)

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Thanh D và bà Huỳnh Thị M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Lê Văn N trình bày:*

Vào năm 2018, ông Trương Thanh D giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản, chế phẩm sinh học với vợ chồng ông N. Hai bên không có làm hợp đồng mua bán, khi nào ông D cần mua thì liên hệ qua điện thoại hoặc nhắn tin qua Zalo. Sau đó, ông N giao hàng cho ông D theo số lượng ông D đặt mua. Khi giao hàng cho ông D, vợ ông là bà Lưu Kiều K có giấy theo dõi ghi lại số lượng thuốc ông D đặt mua và số tiền mua thuốc. Khi ông D trả tiền, bà K cũng có ghi theo dõi và trừ lại số tiền đã thanh toán. Ông D trả tiền có lúc bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản của ông N tại Ngân hàng TMCP S.

Đối với nội dung bản sao kê của ngân hàng có thể hiện những lần ông D chuyển tiền cho ông nhưng không để nội dung chuyển tiền là gì thì ông xác định đó là ông D chuyển tiền mua tôm giống, không phải tiền mua thức ăn như ông D trình bày, vì các lần chuyển tiền này ông D đều có chụp màn hình gửi qua Zalo cho ông và có nhắn nội dung thể hiện là mua tôm giống.

Như vậy, giữa ông N và ông D đã giao dịch mua bán mặt hàng thức ăn nuôi tôm từ năm 2018 đến ngày 20/3/2022 thì ngưng giao dịch và chốt nợ, ông D còn nợ lại số tiền là 2.313.137.750 đồng. Sau đó, ông có yêu cầu ông D trả nợ nhiều lần nhưng ông D nói là do kinh tế đang khó khăn nên mỗi tháng xin trả 20.000.000 đồng. Từ đó, ông D cứ trả lắt nhắt, mỗi lần trả 10.000.000 đồng nhưng trả không đều. Mỗi lần trả tiền thì vợ ông là bà K có trao đổi với ông D qua Zalo của ông D tên là “Dinh Trương”, trong nội dung trao đổi đều thể hiện ông D thừa nhận còn nợ và mỗi lần chuyển tiền trả có chụp màn hình gửi cho bà K, bà K có chốt lại số nợ và chụp màn hình gửi cho ông D. Tính đến thời điểm ngày 22/4/2024 ông D còn nợ lại vợ chồng ông số tiền là 2.213.137.750 đồng.

Khi ông D mua bán thức ăn thủy sản của ông N không có bà Huỳnh Thị M là vợ ông D tham gia, nhưng suốt quá trình giao dịch bà M biết và mục đích mua bán của ông D là nhằm thu nhập kinh tế cho gia đình nên ông yêu cầu ông D và bà M cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền còn nợ đối với giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm là 2.213.137.750 đồng.

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Thanh D trình bày:*

Vào khoảng thời gian giữa năm 2018 đến khoảng đầu năm 2024, ông D bắt đầu giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm, tôm giống, chế phẩm sinh học với ông Lê Văn N theo hình thức như sau: Hình thức đặt hàng hoá: Bằng điện thoại hoặc nhắn tin qua Zalo cá nhân (số điện thoại của ông 0975.057.899, tên Zalo Dinh T); Hình thức giao nhận hàng hoá: Ông đến cửa hàng ông N nhận; Hình thức thanh toán: Khi nhận được hàng hoá trong vòng từ 2 - 7 ngày ông thanh toán cho ông N, có khi khoảng 10 ngày, thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản ngân hàng qua tài khoản của ông N tại Ngân hàng TMCP S, số tài khoản ông N là 0700060797003.

Trong quá trình mua hàng của ông N hai bên không có hợp đồng mua bán, khi nhận hàng không có ký nhận; không có hoá đơn giao hàng, khi trả tiền ông không có giấy tờ theo dõi; do ông mua hàng toa nào thì trong vòng 2 – 7 ngày trả

tiền hết toa đó. Ông và ông N ngưng giao dịch mua bán thức ăn tôm từ khoảng tháng 4/2024. Trong quá trình mua bán hai bên đã thanh toán các khoản tiền xong, hiện ông không còn nợ ông N bất cứ khoản tiền nào.

Từ khi giao dịch mua bán thức ăn tôm với ông N thì ông đã trả cho ông N được tổng cộng 10.163.259.500 đồng. Khi chuyển khoản trả tiền cho ông N thì khi mua tôm giống ông đề nội dung là gửi tiền mua tôm giống, khi mua thức ăn thì chuyển khoản nội dung gửi tiền thức ăn, có những lần chuyển khoản nhưng không ghi nội dung chỉ ghi “ Trương Thanh D chuyển khoản Lê Văn N”, ông D xác định đây là chuyển tiền thức ăn.

Đối với việc ông N yêu cầu ông D trả số tiền là 2.213.137.750 đồng là không có thật. Số hàng ông mua về để phục vụ cho việc nuôi tôm cho gia đình. Tuy nhiên, việc mua bán thức ăn tôm giữa ông và ông N, vợ ông là bà Huỳnh Thị M không biết. Vì vậy, vợ chồng không đồng ý thanh toán cho ông N số tiền 2.213.137.750 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định: Căn cứ các Điều 401, 440 Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N, buộc ông Trương Thanh D và bà Huỳnh Thị M trả cho ông Lê Văn N số tiền 2.213.137.750 đồng.

Ngày 23/6/2025, ông D và vợ là bà M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc kiện vợ chồng ông D, bà M trả cho nguyên đơn 2.213.137.750 đồng và phải chịu phần án phí 76.263.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Ông N trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông D.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:
 - + Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.
 - + Về nội dung, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của vợ chồng ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Từ năm 2018 đến năm 2024 giữa ông Lê Văn N và ông Trương Thanh D có mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản là thực tế có xảy ra. Ngoài giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản, các đương sự còn giao dịch mua bán tôm giống. Các bên chỉ giao dịch bằng hình thức điện thoại trực tiếp hoặc nhắn tin qua Zalo. Tuy nhiên, việc giao kết hợp đồng mua bán giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật. Do đó, việc giao kết hợp đồng mua bán giữa các bên có hiệu lực pháp luật. Thời điểm đôi bên chấm dứt việc mua tôm giống diễn ra sau thời điểm chấm dứt việc mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản.

[2] Việc thanh toán cho các giao dịch nói trên, các đương sự cùng thừa nhận, phía ông D thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho ông N. Trường hợp chuyển khoản, các lần chuyển khoản có ghi nội dung chuyển khoản mua tôm giống hoặc chuyển khoản tiền mua thức ăn, cũng có trường hợp chuyển khoản không ghi nội dung gì. Theo ông N, trường hợp ông D chuyển khoản không ghi nội dung thì lần chuyển khoản đó ông D thanh toán tiền mua tôm giống. Theo ông N, sau mỗi lần chuyển khoản không ghi nội dung, ông D có nhắn tin kèm theo giấy ủy nhiệm chỉ thể hiện việc mua tôm giống cho ông N. Ngược lại, phía ông D cho rằng các lần chuyển khoản không ghi nội dung là ông chuyển khoản thanh toán tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản.

[3] Theo ông N xác định khi giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với ông D, bà Lưu Kiều K (vợ của ông N) có sổ theo dõi về tên hàng và số lượng hàng, cũng như giá trị hàng hóa và số tiền của ông D thanh toán và tiền còn nợ sau mỗi đợt ông D mua hàng. Theo đó, tính đến thời điểm ngày 20/3/2022 ông D còn nợ lại số tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản là 2.313.137.750 đồng và cũng từ thời điểm này hai bên không giao dịch mua bán mặt hàng thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản nữa. Sau đó, phía ông D có chuyển khoản cho ông N nhiều lần, mỗi lần 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 22/4/2024, ông D còn nợ lại 2.213.137.750 đồng.

[4] Ngược lại, tại phiên tòa phúc thẩm, ông D xác định ông chỉ còn nợ lại ông N tổng số tiền là 277.310.400 đồng tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản.

[5] Qua đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ mà ông N cung cấp là những bản in tin nhắn trên Zalo trao đổi giữa ông N và ông D trong quá trình giao dịch mua bán thức ăn tôm, tôm giống, thể hiện những lần ông D chuyển khoản của ông N mà không thể hiện nội dung là tiền ông D trả tiền mua thức ăn nuôi tôm. Bởi lẽ, tại phiên tòa phúc thẩm, qua đối chiếu trực tiếp với bà K, ông D thừa nhận tài khoản Zalo có tên “Dinh Trương” có trong điện thoại di động của bà K, số điện thoại được ông D đăng ký tài khoản là 0975.057.899. Ông D cũng thừa nhận những tin nhắn trên Zalo mà vợ ông N cung cấp cho Tòa là tin nhắn trao đổi về việc mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản. Qua kiểm tra các tin nhắn Zalo do phía bà K (vợ ông N) gửi tin nhắn cho ông D (được phía ông N cung cấp cho Tòa án sơ thẩm, bút lục số 68-102) có nội dung sau mỗi lần ông D chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng nội dung “E gửi tiền thức ăn”, phía bà K có gửi lại tin nhắn cho ông D xác định khoản nợ cũ ông D nợ tiền thức ăn nuôi tôm và số nợ mới còn lại sau khi khấu trừ 10.000.000 đồng, có lần ông D xác nhận bằng việc thả “Like” (thích) ở ngay dưới tin nhắn này của bà K (bút lục số 81, 80), có lần ông D xác nhận bằng việc thả “Like” ở dưới tin nhắn “Em gửi” của bà K nhắn tin ngay sau khi bà K gửi tin nhắn xác định khoản nợ còn lại của ông D (bút lục 74, 78). Bằng việc nhắn tin qua Zalo như trên, cho thấy tính đến ngày 22/4/2024, sau khi ông D chuyển khoản thanh toán tiền thức ăn số tiền 10.000.000 đồng, phía bà K có gửi tin nhắn thể hiện nội dung: Tính đến ngày 12/01/2024, ông D còn nợ lại tổng số tiền 2.223.137.750 đồng, trừ 10.000.000 đồng ông D chuyển khoản trả ngày 22/4/2024, còn lại 2.213.137.750 đồng. Với các chứng cứ này cho thấy việc ông N khởi kiện ông D thanh toán tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Ông D cho rằng vợ ông là bà Huỳnh Thị M không biết việc ông D giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm với ông N, nhưng bà M biết việc ông D mua thức ăn nuôi tôm để nhằm phục vụ phát triển kinh tế chung cho gia đình. Mặc dù bà M không trực tiếp giao dịch mua bán với ông N nhưng việc một bên vợ hoặc chồng tham gia giao dịch nhằm phục vụ cho lợi ích chung của gia đình và bên còn lại không phản đối. Do đó, xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân, cấp sơ thẩm buộc ông D và bà M cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho ông N là phù hợp.

[7] Do chấp nhận đơn khởi kiện của ông N, nên cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là đúng quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Với các chứng cứ được nêu trên cho thấy cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông N là có căn cứ. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của ông D và vợ là bà M.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên vợ chồng ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thanh D và vợ là bà Huỳnh Thị M; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 189/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N, buộc ông Trương Thanh D và bà Huỳnh Thị M trả cho ông N số tiền 2.213.137.750 (hai tỷ hai trăm mười ba triệu một trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Ông D và bà M phải chịu 76.263.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Ông D và bà M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/người án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền này được khấu trừ 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí do ông D và bà M nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0011073 ngày 23/6/2025 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011072 ngày 23/6/2025 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Cà Mau) phát hành.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS nd tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 1 - CM;
- Phòng THA dân sự khu vực 1 - CM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế